Full name: ……

Class: ……

ENGLISH DISCOVERY 1- SEMESTER 2 REVISION

Task 1: Listen and circle – Nghe và khoanh tròn.

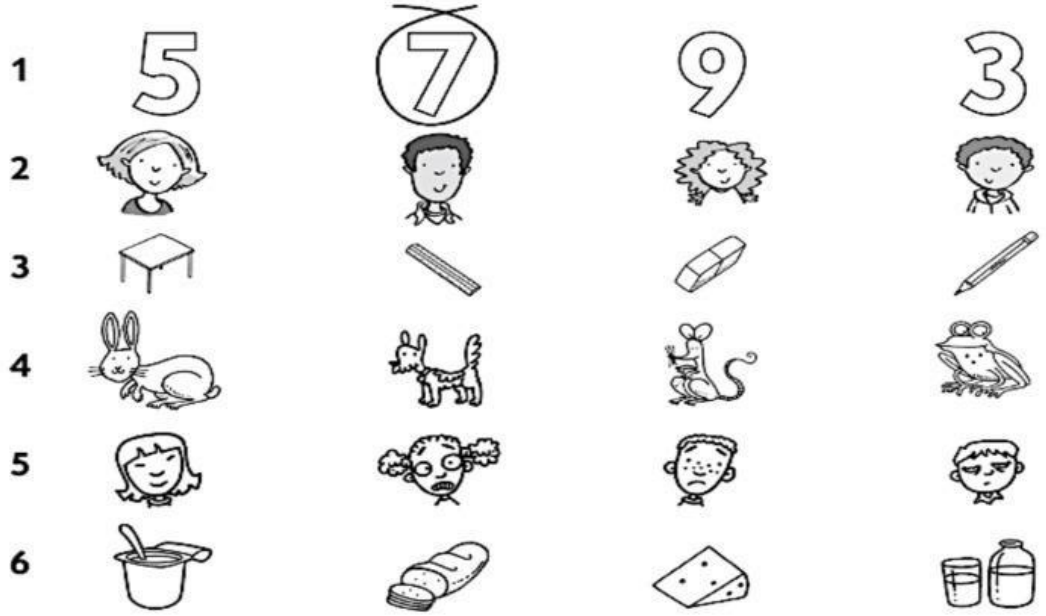

Task 2: Listen and tick or cross – Nghe và điền 'v' hoặc 'x'.

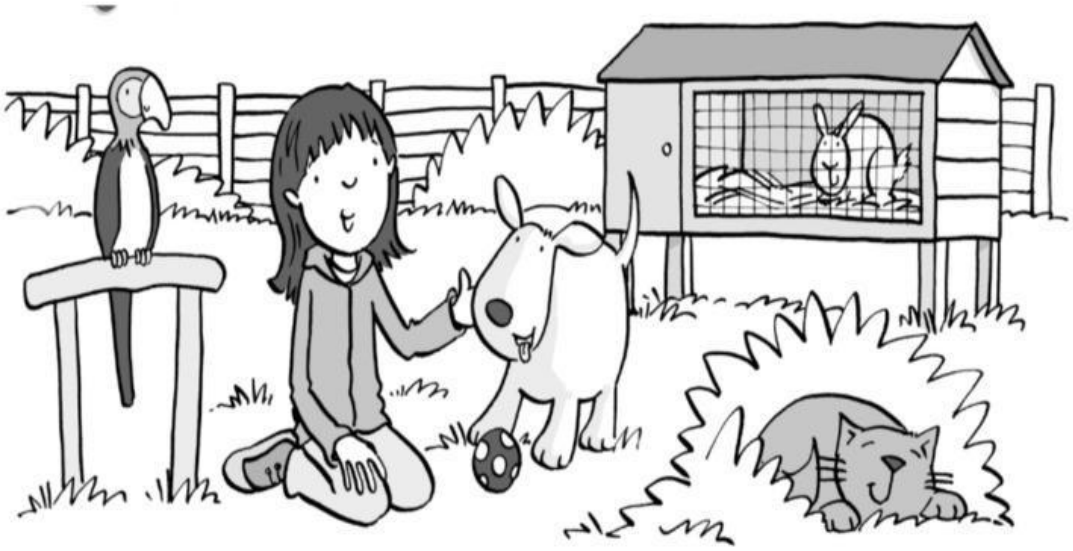

1 ✓ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐

LIVEWORKSHEETS

Task 3: Listen and tick or cross – Nghe và điền 'v' hoặc 'x'.

	fruit	fish	milk
John	✓	✗	✓
Alice			
Bill			
Amy			
Tom			

Task 4: Listen and match– Nghe và nối.

He's tired. She's thirsty. She's scared He's sad

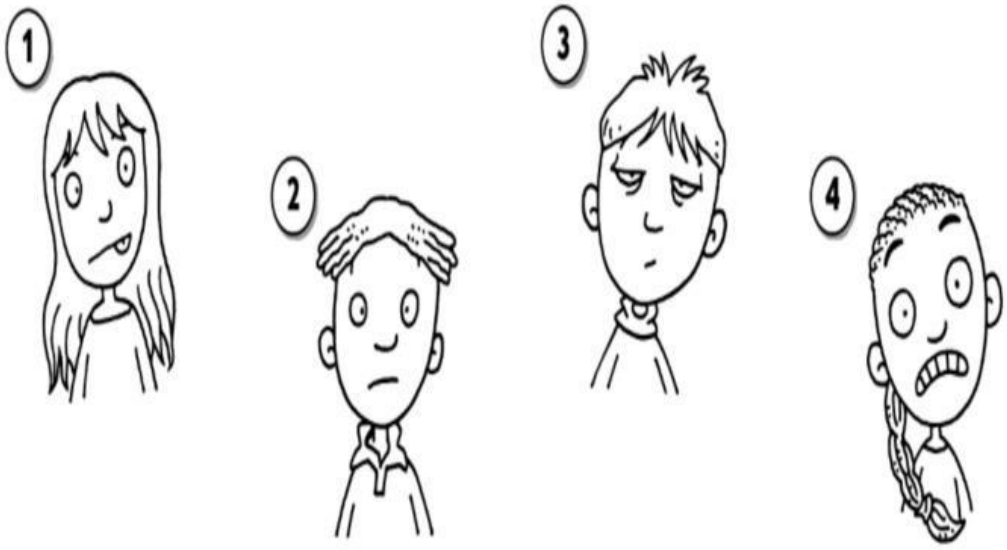

LIVEWORKSHEETS

Task 5: Listen and number – Nghe và điền số.

Task 6: Listen, find and color – Nghe, tìm và tô màu.

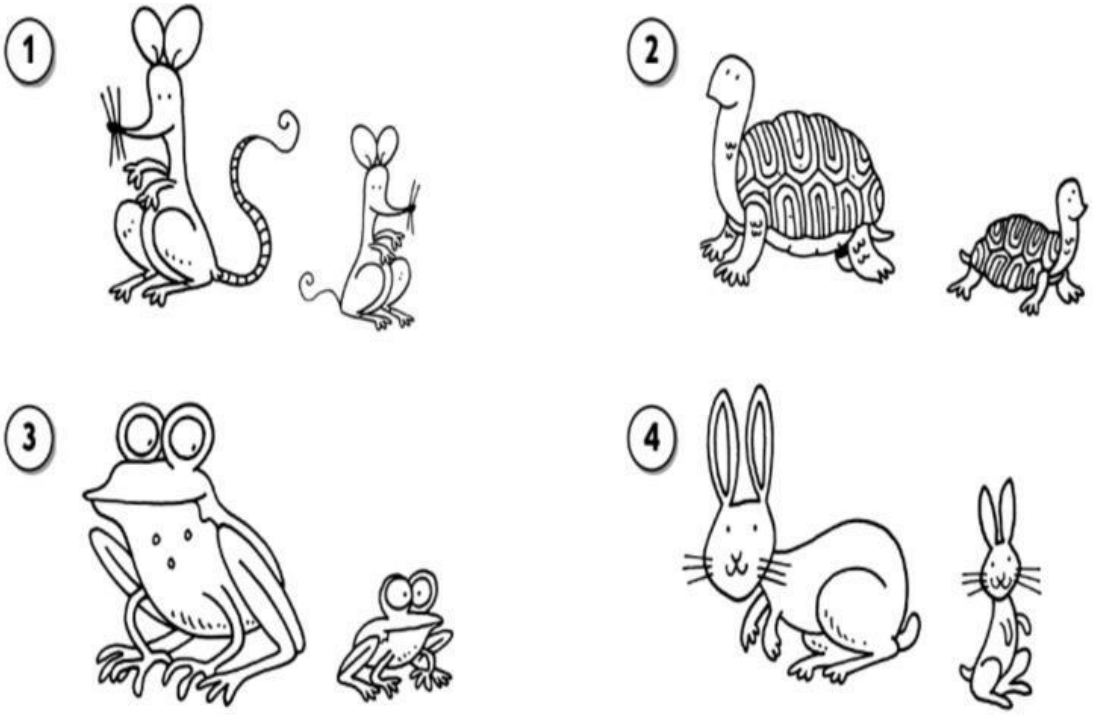

LIVEWORKSHEETS

II. READING AND WRITING

Task 1: Read and write the missing letters – Đọc và viết chữ cái còn thiếu

I like egg__

I like sala__

I don't like ba__an__

I like h__t do__

I like c__ic__e__

Task 2: Read and write – Đọc và viết

tortoise	parrot	chocolate	milk

Is it a dog?

No, it is a……

What is this?

It's a .....

What do you like?

I like …….

What do you like?

I like …….

LIVEWORKSHEETS

Task 3: Read and tick (v) or cross (x) – Đọc và điền (v) hoặc (x)

1 ☑ tortoise

2 ☒ kitchen

3 ☐ yoghurt

4 ☐ mouse

5 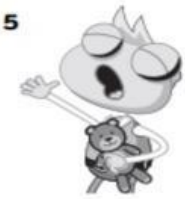 ☐ house

6 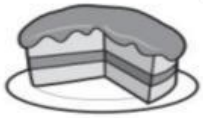 ☐ bedroom

Task 4: Read and match – Đọc và nối

1.

a. I like bread

2. 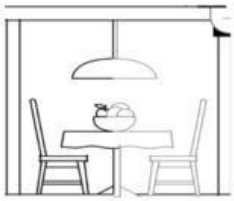

b. This is the bedroom

3.

c. I like yoghurt

4.

d. This is the dining room

LIVEWORKSHEETS

Task 5: Read and write – Đọc và viết

Fruit **Happy** **Cheese** **Salad** **Hungry** **Dining room** **Kitchen**
Thirsty **Rabbit** **Door** **Yoghurt** **Living room**

1 _____

2 _____

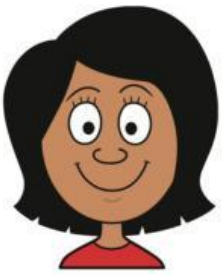

3 _____

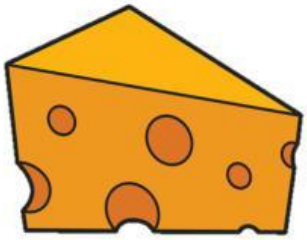

4 _____

5 _____

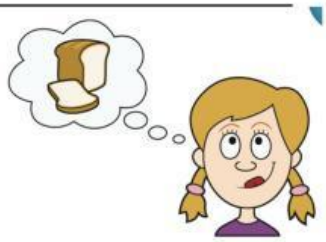

6 _____

7 _____

8 _____

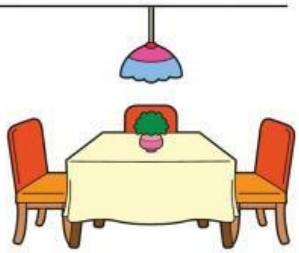

9 _____

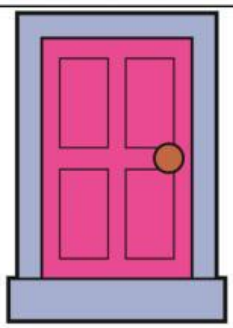

10 _____

11 _____

12 _____

LIVEWORKSHEETS

Task 6: Read and circle – Đọc và khoanh tròn

①

I like *bread/ salad*

②

I don't like *cake/ jelly*

③

I like *honey/ yoghurt*

④

This is the *kitchen/ dining room*

Task 7: Choose the correct answer – Chọn câu trả lời đúng

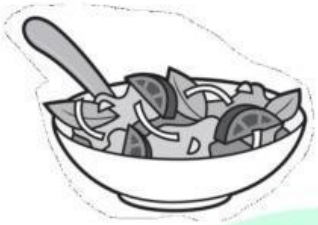

1. I **like / don't like** salad.

2. I **like / don't like** cake.

3. I **like / don't like** milk.

4. I **like / don't like** fish.

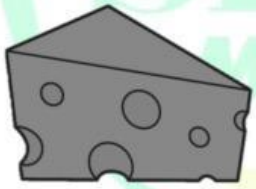

5. I **like / don't like** cheese.

6. I **like / don't like** bread.

LIVEWORKSHEETS

Task 8: Match – Nối

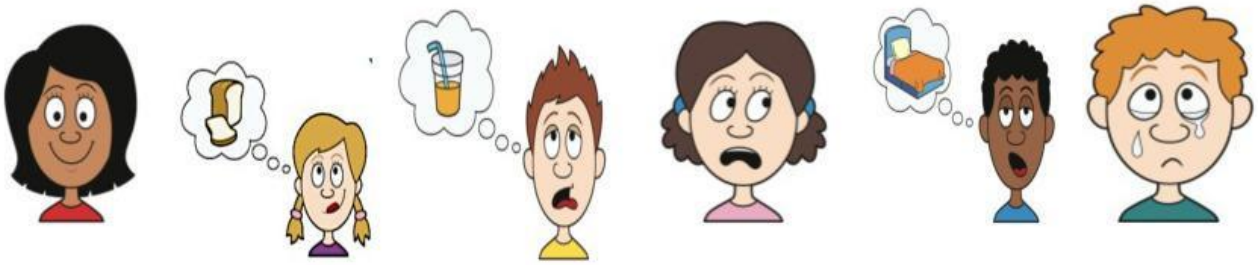

scared **happy** **hungry** **tired** **thirsty** **sad**

Task 9: Read and circle Yes or No – Đọc và khoanh tròn Yes hoặc No

1. This is a bedroom. Yes No

2. This is a door. 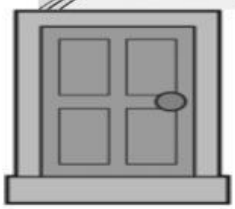 Yes No

3. This is a living room. Yes No

4. This is a kitchen. Yes No

5. This is a window. Yes No

LIVEWORKSHEETS